

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2022/DS-PT**
Ngày: 22-3-2022
V/v “*T/c hợp đồng mua bán
doanh nghiệp*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự.

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Thanh Nữ
Bà Thái Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Linda - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLPT-DS ngày 18/01/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán doanh nghiệp*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: B1005, tầng 10, khối B, chung cư L1 (Tecco Tower), tổ 1, 65 L1, khu phố 7, P. L1, Quận T2, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1982 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2018)

Hộ khẩu thường trú: 11.5 Block EA2, chung cư K, phường P, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 250 đường N, phường 6, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 50/4/9, đường 35, khu phố 2, phường L1, quận T2, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Trung T3, sinh năm 1971 (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/10/2019)

Địa chỉ liên hệ: 37, đường số 2, khu dân cư H, phường T4, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1975

Hộ khẩu thường trú: B8/21, KP B, phường T5, TX A, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên hệ: Số 50/4/9 đường 35, khu phố 2, phường L1, quận T2, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung T3, sinh năm 1971 (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/10/2019)

Địa chỉ liên hệ: L12-13, tầng 12, tòa nhà V, 72 L2, phường B1, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2019)

3.2. Công ty TNHH Gồm C

Trụ sở: Cụm gồm sứ H, P. H, TP. B2, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ – Giám đốc;

Địa chỉ: 50/4/9, đường 35, khu phố 2, phường L1, quận T2, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Trần Trung T3, sinh năm 1971 (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2019)

Địa chỉ liên hệ: 37, đường số 2, k khu dân cư H, phường T4, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Phan Thị B, sinh năm 1979

Hộ khẩu thường trú: Xóm M, xã Y, L3, Nghệ An.

Địa chỉ liên hệ: Số 250 đường N, phường 6, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T1, ông T3, ông L, bà Đ, bà B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T1 trình bày:

Ông Nguyễn Quang T nguyên là chủ DNTN gồm C, DNTN gồm C được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất 50 năm, tiền thuê trả hàng năm.

Vào ngày 24/09/2016, ông T và bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ có ký Biên bản thỏa thuận mua bán doanh nghiệp tư nhân gồm C tại trụ sở ở Cụm gồm sứ H, xã H, thành phố B2, tỉnh Đồng Nai.

Theo nội dung hợp đồng ông T đồng ý bán và bà Đ đồng ý mua DNTN gồm C và toàn bộ tài sản của DNTN gồm C bao gồm: máy móc thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số CD 543XXX do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/06/2016 đứng tên DNTN Gồm C.

Giá mua bán là: 10.000.000.000 đồng (*mười tỷ đồng*), bà Đ đồng ý thanh toán cho ông T thành 3 đợt như sau:

Đợt 1: Ngay sau khi ký Biên bản Bà Đ thanh toán trước (đặt cọc) cho ông T 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*), ông T sẽ tiến hành thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh mua bán doanh nghiệp cho bà Đ theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

Đợt 2: Bà Đ thanh toán: 6.000.000.000 đồng (*sáu tỷ đồng*) ngay sau khi nhận đầy đủ hồ sơ pháp lý công ty.

Đợt 3: Số tiền còn lại 3.000.000.000 đồng (*ba tỷ đồng*) bà Đ sẽ thanh toán cho ông T trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ pháp lý và bên ông T đã thanh toán hết các khoản nợ, đóng các khoản thuế.

Tuy nhiên trên Hợp đồng mua bán doanh nghiệp nộp tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai thì giá trị mua bán doanh nghiệp các bên ghi nhận là 6.447.574.383 VNĐ (*sáu tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi ba đồng*).

Ngày 29/09/2016 các bên đã tiến hành thủ tục nộp hồ sơ chuyển đổi chủ DNTN gồm C từ ông Nguyễn Quang T sang bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai. Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp nhận và cấp Giấy chứng nhận đăng ký DNTN gồm C thành do bà Đ làm đại diện theo pháp luật.

Sau đó các bên tiếp tục thực hiện thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu được đóng tiền thuê đất một lần. Ngày 02/12/2016 UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 4087/QĐ-UBND về việc điều chỉnh hình thức sử dụng đất từ Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm thành Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê một lần. Lý do chuyển đổi từ đóng tiền thuê đất hàng năm sang đóng tiền thuê đất một lần là do bà Đ muốn chuyển đổi nên phía nguyên đơn chỉ hỗ trợ cho bà Đ hoàn thành thủ tục trên.

Ông T đã bàn giao bản chính giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 543XXX do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/6/2016, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhà xưởng cho bà Đ quản lý sử dụng từ năm 2016 đến nay.

Ngày 03/10/2017, bà Đ tiếp tục thực hiện thủ tục chuyển đổi DNTN gồm C thành Công ty TNHH gồm C và đăng ký vốn điều lệ là 16.500.000.000đ (*mười sáu tỷ, năm trăm triệu đồng*) với hai (02) thành viên góp vốn là: bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ góp 13.200.000.000đ (*mười hai tỷ hai trăm triệu đồng*) và ông

Nguyễn Đình L (chồng bà Đ) góp 3.300.000.000 VNĐ (*ba tỷ ba trăm triệu đồng*). Bà Đ giữ chức vụ Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật và Chủ tịch hội đồng thành viên của Công ty TNHH gồm C. Đến ngày 17/10/2017 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty TNHH Gồm C.

Sau khi hoàn tất xong các thủ tục hồ sơ pháp lý chuyển đổi doanh nghiệp cho bà Đ xong thì bà Đ không thanh toán số tiền 6.000.000.000 đồng đợt hai như cam kết trong hợp đồng. Sau nhiều lần nhắc nhở, bà Đ có thanh toán cho ông T thêm được 600.000.000 đồng thì không thanh toán tiếp. Số tiền còn lại chưa thanh toán là: 8.400.000.000 đồng (tám tỷ, bốn trăm triệu đồng).

Phía bị đơn cho rằng ông T còn nợ rất nhiều khoản nợ khác về vấn đề nợ của ông T là trách nhiệm của ông T không liên quan gì tới bà Đ, trong hợp đồng mua bán thỏa thuận rất rõ ràng nợ là ông T có trách nhiệm trả. Đối với các khoản nợ thuế chưa nộp cho Nhà nước là do các Doanh nghiệp, công ty hoạt động thời đó đều được Nhà nước cho miễn thuế 11 năm đầu hoạt động. Ông T chưa kịp làm các thủ tục xin Nhà nước miễn thuế thì bà Đ đã có nhu cầu mua doanh nghiệp nên ông T bán cho bà Đ nên chưa kịp làm thủ tục xin miễn thuế và khi bà Đ nhận Doanh nghiệp hoạt động bà Đ đi làm hồ sơ miễn thuế thì sẽ được Nhà nước miễn thuế nhưng do bà Đ không đi làm thủ tục do đó không phải lỗi do nguyên đơn.

Sau đó bà Đ có văn bản đề nghị chấm dứt hợp đồng (gửi qua email), các lần họp sau đó bà Đ đều không muốn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng mua bán công ty và yêu cầu hoàn trả số tiền: 2.500.000.000 đồng (*hai tỷ năm trăm triệu đồng*) bao gồm tiền đặt cọc và tiền bồi thường, tiền chi phí khác.

Ông T nhận thấy bà Đ là người vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp nên nếu bà Đ không mua doanh nghiệp nữa thì mất cọc 1.000.000.000 tỷ, ông T chỉ đồng ý trả lại số tiền 600.000.000 đồng đã nhận thêm sau này. Hai bên vẫn không thống nhất được do đó ông T khởi kiện ra Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện phía nguyên đơn yêu cầu: Hủy biên bản thỏa thuận mua bán doanh nghiệp ký ngày 24/9/2016 giữa ông Nguyễn Quang T và bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ; bị đơn phải bồi thường số tiền 759.000.000 đồng. Đồng thời buộc bà Đ chuyển tên thành viên góp vốn trong Công ty TNHH Gồm C sang cho ông T đứng tên, buộc bà Đ bàn giao hồ sơ đăng ký kinh doanh, các giấy tờ bản chính của công ty TNHH gồm C trả lại ông T.

Tại phiên tòa và tại phiên hòa giải ngày 16/6/2020 phía nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện gồm: Hủy biên bản thỏa thuận mua bán doanh nghiệp ký ngày 24/9/2016 giữa ông Nguyễn Quang T và bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ. Hậu quả của việc hủy hợp đồng mua bán: các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận và khôi phục lại tình trạng ban đầu, cụ thể:

+ Phía ông T đồng ý trả lại cho bà Đ số tiền đã nhận 600.000.000đ, còn tiền cọc 1.000.000.000 đồng nguyên đơn không đồng ý trả lại.

+ Phía bà Đ hoàn trả lại toàn bộ nhà xưởng, đường ống dẫn gas và di dời toàn bộ lò nung, các thiết bị máy móc lắp đặt, xây dựng trên nhà xưởng; bà Đ phải trả bản chính giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 543XXX do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/6/2016 đứng tên DNTN gồm C

+ Vốn điều lệ của công ty TNHH gồm C là 16.500.000.000đ, trong đó có hai thành viên góp vốn là bà Đ góp 13.200.000.000đ, ông L chồng bà Đ góp 3.300.000.000đ. Thực tế không có số tiền vốn góp này do đó khi hủy hợp đồng mua bán doanh nghiệp đề nghị xác định toàn bộ vốn góp của công ty TNHH gồm C thuộc quyền sở hữu của ông T để liên hệ với cơ quan có thẩm quyền xin thay đổi lại nội dung đăng ký kinh doanh cho ông T đứng tên đại diện theo pháp luật của công ty.

*** Theo bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa bị đơn bà Đ, ông Thi trình bày:**

Nguyên trước đây vào ngày 24/9/2016, giữa bà Đ và ông T có ký với nhau Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để mua bán Doanh Nghiệp DNTN Gồm C

Theo Điều 1.1 của Biên bản thỏa thuận thì ông T (Bên A) đồng ý chuyển nhượng cho bà Đ (Bên B) DNTN Gồm C (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 006468 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 26/01/1996) theo trình tự và thủ tục do pháp luật quy định ("*mua bán doanh nghiệp*"). Và theo Điều 1.2 của Biên bản thỏa thuận ngày 24/9/2016 thì Bên A và Bên B thỏa thuận chuyển nhượng và mua bán doanh nghiệp với các nội dung cụ thể như sau: Bên A nhất trí bán cho Bên B toàn bộ tài sản của DNTN Gồm C gồm: máy móc, nguyên liệu sản xuất, quyền sử dụng đất cùng các tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất số CD 543XXX do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/6/2016 đứng tên DNTN gồm C.

Các bên thỏa thuận giá trị mua bán doanh nghiệp là 10 (mười) tỷ đồng, thanh toán làm 03 đợt:

Đợt 1: Ngay sau khi ký kết biên bản, Bên B thanh toán trước (đặt cọc) cho Bên A đủ số tiền 01 tỷ đồng thì Bên A phải thực hiện ngay thủ tục đăng ký kinh doanh mua bán doanh nghiệp cho Bên B theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp (trong đó bao gồm như: thay đổi Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định đồng ý đóng thuế thuê đất một lần...đứng tên Bên B).

- Đợt 2: Thanh toán 06 (sáu) tỷ ngay sau khi Bên B nhận đầy đủ hồ sơ pháp lý công ty như thỏa thuận trong đợt đặt cọc lần 1.

- Đợt 3: Số tiền còn lại 03 (ba) tỷ Bên B thanh toán cho Bên A trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên B nhận được hồ sơ pháp lý và Bên A thanh toán hết các khoản nợ như Bên A trình bày còn thiếu trong quá trình hoạt động, đóng các khoản thuế phát sinh.

Ngay sau khi ký Biên bản, bà Đ đã thanh toán cho ông T số tiền là 01 tỷ đồng, không vi phạm nghĩa vụ thanh toán Đợt 1 đối với ông T.

Về phía ông T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình như đã thoả thuận. Cụ thể: ông T chỉ thực hiện được việc đăng ký thay đổi tên chủ doanh nghiệp tư nhân từ ông T sang tên bà Đ, chưa hoàn tất thủ tục để DNTN Gốm C do bà Đ là chủ doanh nghiệp được ghi nhận trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho Bên B được đóng thuế thuê đất một lần. Mặc dù có Quyết định số 4087/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh hình thức sử dụng đất thành Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê một lần. Tuy nhiên ngày 18/01/2018 UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành quyết định số 181/QĐ-UBND theo đó cho Công ty TNHH Gốm C được thuê đất với hình thức “Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm”. Như vậy trên thực tế, việc Bên B được thuê đất trả tiền thuê một lần theo Quyết định số 4087/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai đã không còn.

Do bên ông T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ như cam kết nên bà Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đợt 2, đợt 3 như trong hợp đồng.

Lý do bà Đ tiếp tục thanh toán cho ông T số tiền 600.000.000 đồng ngày là để ông T thanh toán các khoản nợ còn thiếu vì theo ghi nhận tại Điều 2.4 của Biên bản thoả thuận ngày 24/9/2016.

Ngoài ra, theo thoả thuận tại Điều 2.2 của Biên bản thoả thuận ngày 24/9/2016 thì ngoài các khoản nợ được ghi nhận cụ thể như vừa nêu trên, ngay sau khi được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Bên B, Bên A (ông T) phải có trách nhiệm cùng với Bên B xác định các khoản thuế phát sinh phải nộp cho Nhà nước cùng các khoản nợ khác mà DNTN Gốm C có nghĩa vụ phải thanh toán. Và theo Điều 2.4 của Biên bản thoả thuận ngày 24/9/2016 thì ông T cam kết chịu trách nhiệm đối với các giao dịch ngoài phạm vi đã thoả thuận tại Biên bản thoả thuận ngày 24/9/2016 và phát sinh trước ngày biên bản này có hiệu lực. Mặc dù đã thoả thuận như trên nhưng sau khi chuyển giao doanh nghiệp cho bà Đ, ông T luôn né tránh, không hợp tác với bà Đ để xác định, chốt lại danh sách các khoản nợ và các nghĩa vụ thuế còn phải thanh toán cho Nhà nước.

Trên thực tế, trong quá trình tiếp nhận doanh nghiệp, bà Đ được biết tổng số các khoản nợ và nghĩa vụ thuế của DNTN Gốm C là khá lớn, không đúng như cam kết của ông T tại Biên bản thoả thuận ngày 24/9/2016. Cụ thể, ngoài các khoản nợ được nêu cụ thể tại biên bản nói trên có nhiều chủ nợ khác đến trụ sở công ty để đòi nợ.

Theo thông báo số 12118/CCT-TBTK ngày 17/9/2019 của Chi cục thuế Tp. Biên Hoà thì tiền thuê đất hàng năm giai đoạn từ 14/10/2014 đến ngày 23/10/2016 vẫn chưa được nộp. Bà Đ được biết thì ngoài khoản nợ tiền thuê đất nêu trên, hiện ông T vẫn chưa thực hiện xong các nghĩa vụ thuế khác có liên quan đối với Nhà nước. Việc ông T không thực hiện nghĩa vụ thuế làm ảnh

hưởng nghiêm trọng đến uy tín và hoạt động của Công ty TNHH Gốm C hiện nay.

Do phía ông T vi phạm nội dung đã thoả thuận, có dấu hiệu không trung thực. Bà Đ đã nhiều lần yêu cầu ông T hợp tác làm rõ và giải quyết dứt điểm các vấn đề còn vướng mắc liên quan đến DNTN Gốm C, nhưng không nhận được sự hợp tác của ông T. Thông báo đề ngày 20/11/2016 mà bà Đ gửi cho ông T chỉ là văn bản đề xuất một buổi gặp để giải quyết các vấn đề vướng mắc để từ đó 02 bên có thể đi đến việc chấm dứt và thanh lý hợp đồng, chứ đây hoàn toàn không phải là thông báo chính thức về việc chấm dứt hợp đồng.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý Hủy biên bản thoả thuận mua bán doanh nghiệp ký ngày 24/9/2016 đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán doanh nghiệp mà các bên đã ký.

Trong trường hợp Tòa án tuyên hủy hợp đồng mua bán doanh nghiệp thì đề nghị ông T phải trả lại số tiền 1.600.000.000đồng đã nhận, phạt cọc 1.000.000.000đồng và bồi thường thêm các khoản sau:

Bồi thường số tiền 140.000.000đồng là chuyến đi du lịch Châu Âu giành cho hai người năm 2019, bồi thường số tiền 200.777.296đồng mà bà Đ đã thanh toán nợ thay cho ông T.

Tổng cộng yêu cầu ông T phải thanh toán cho bà Đ là 2.940.777.296đồng.

*** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan công ty TNHH Gốm C ông Thi trình bày:**

Thống nhất theo lời trình bày của bà Đ, không đồng ý hủy hợp đồng mua bán doanh nghiệp đã ký giữ ông T với bà Đ.

Trường hợp Tòa án tuyên biên bản thoả thuận mua bán doanh nghiệp ký ngày 24/9/2016 giữa ông Nguyễn Quang T và bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ. Công ty TNHH gốm C yêu cầu ông T phải bồi thường các khoản sau đây:

Tiền thuê dịch vụ bảo vệ cho công ty TNHH gốm C từ năm 2017 đến cuối năm 2019 là 693.000.000đồng

Các khoản thuế là 23.804.202đồng

Chi phí dịch vụ công ích từ năm 2017 đến tháng 6/2020 là 134.201.464đồng.

Chi phí tháo dỡ các lò nung và hệ thống chân đế là: 1.072.500.000đồng.

Tổng cộng công ty TNHH gốm C yêu cầu ông T phải bồi thường là 1.923.505.666đồng.

*** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông L là ông Thi trình bày:**

Ông là chồng của bà Đ ông thống nhất theo lời trình bày của bà Đ, không đồng ý hủy hợp đồng mua bán doanh nghiệp đã ký giữ ông T với bà Đ.

Trường hợp Tòa án tuyên biên bản thỏa thuận mua bán doanh nghiệp ký ngày 24/9/2016 giữa ông Nguyễn Quang T và bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ bà Đ yêu cầu nguyên đơn trả lại cho bà Đ số tiền đã nhận là 1.600.000.000đ, phạt cọc 1.000.000.000đồng và bồi thường cho bà Đ các thiệt hại đã xảy ra theo như yêu cầu của bà Đ

Ngoài các tài liệu chứng cứ phía ông đã nộp, ông không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B trình bày:**

Bà là vợ của ông T việc mua bán doanh nghiệp giữa ông T và bà Đ bà không liên quan gì đến vụ án này.

Tuy nhiên, bà thống nhất theo lời trình bày của ông T đề nghị Tòa án tuyên hủy biên bản thỏa thuận mua bán doanh nghiệp ký ngày 24/9/2016 giữa ông Nguyễn Quang T và bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ;

Các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận và khôi phục lại tình trạng ban đầu: Phía ông T đồng ý trả lại cho bà Đ số tiền đã nhận 600.000.000đ. Phía bà Đ hoàn trả lại toàn bộ nhà xưởng và di dời toàn bộ lò nung đã xây dựng trên nhà xưởng của ông T.

* Bản án số 51/2020/DS-ST ngày 10/8/2020 của TAND TP Biên Hòa đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bồi thường.

Tuyên hủy biên bản thỏa thuận mua bán doanh nghiệp ký ngày 24/9/2016 giữa ông Nguyễn Quang T và bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ;

Buộc ông T phải thanh toán cho bà Đ số tiền 600.000.000đồng.

Buộc bà Đ bàn giao trả lại toàn bộ nhà xưởng, hệ thống đường dẫn ống gas công ty TNHH Gốm C cho ông T.

Buộc bà Đ di dời, tháo dỡ toàn bộ 2 lò nung và hệ thống chân đế cùng 04 hệ thống máng trượt, bàn đẩy và toàn bộ khuôn mẫu thành phẩm đã lắp đặt trên nhà xưởng công ty TNHH Gốm C. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 16/6/2010.

Buộc bà Đ phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số CD 543XXX do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/06/2016 đứng tên DNTN gốm C cho ông T, xác định toàn bộ phần vốn góp của công ty TNHH gốm C thuộc quyền sở hữu của ông T.

Ông T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại nội dung giấy phép đăng ký công ty TNHH gốm C.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 18/8/2020, bà Đ, ông L, công ty TNHH gồm C kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

*** *Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ nội dung thỏa thuận trong giấy mua bán doanh nghiệp các bên ký kết ngày 24/9/2016 và quá trình thực hiện hợp đồng thể hiện phía nguyên đơn (ông T) đã hoàn tất nghĩa vụ của bên bán doanh nghiệp. Bị đơn cho rằng do nguyên đơn chưa thực hiện các thủ tục chuyển đổi đóng tiền thuê hàng năm sang một lần nên không tiếp tục thanh toán đợt 2 là không có căn cứ bởi phía ông T đã có thiện chí hỗ trợ cho bà Đ có Quyết định của UBND tỉnh điều chỉnh thành hình thức sử dụng đất từ nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê một lần, sau đó, do quy định của pháp luật về đất đai có thay đổi chuyển sang hình thức “Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm”, không do lỗi của nguyên đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy biên bản thỏa thuận chuyển nhượng ngày 24/9/2016 ký giữa ông Nguyễn Quang T và bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ, xác định lỗi hoàn toàn thuộc về bị đơn nên phải mất cọc và buộc ông T phải trả lại cho bị đơn 600 triệu đồng đã nhận là phù hợp với Điều 423 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với nội dung kháng cáo về phần vốn góp tại công ty TNHH Gồm C. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông L cung cấp biên bản về việc góp số vốn 03 tỷ đồng tuy nhiên tài liệu này chưa được kiểm chứng nên không có cơ sở xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Thông báo phiên họp và hòa giải số 71/TB-TA ngày 29/5/2020 về việc tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ ngày 16/6/2020 cho các đương sự (BL 175, 201)

Ngày 23/6/2020 bị đơn (bà Đ) nộp đơn yêu cầu phản tố nội dung ngoài việc yêu cầu nguyên đơn phải trả cho bị đơn 1,6 tỷ đồng đã nhận và bồi thường thiệt hại với tổng số tiền yêu cầu phản tố là 2.940.777.296 đồng. Thời điểm bị đơn nộp đơn phản tố sau khi Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 16/6/2020 là trễ hạn định nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn phản tố là có cơ sở. Tuy nhiên, cũng cần phải rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm trong việc lập biên bản như nêu trên gây cho đương sự hiểu nhầm dẫn đến thực hiện không đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, các đương sự có kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ các phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Đ, của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông L, công ty TNHH Gồm C được thực hiện trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

[2] Xét kháng cáo:

Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có các sai phạm sau:

[2.1] Về thủ tục tố tụng:

[2.1.1] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán cấp sơ thẩm chỉ tiến hành thủ tục hòa giải và tiếp cận, công khai chứng cứ một lần duy nhất vào ngày 16/6/2020,. Tuy nhiên, Biên bản các phiên họp trên (bút lục 176 – 182) thể hiện không có Thư ký Tòa án ghi biên bản trong thành phần tham dự phiên họp. Đây là vi phạm nghiêm trọng về thành phần phiên họp quy định tại Điều 209 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1.2] Về xử lý yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo cho rằng yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nộp đúng hạn nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thụ lý. Xét tại Biên bản làm việc ngày 16/6/2020 giữa Thẩm phán và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bút lục số 183) thể hiện Thẩm phán đã ấn định thời hạn để bà Đ nộp đơn phản tố là 07 ngày kể từ ngày 16/6/2020. Sự việc trên được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Văn T1 xác nhận tại biên bản làm việc ngày 19/3/2021 của TAND tỉnh Đồng Nai (bút lục 361). Đồng thời Biên bản hòa giải cùng ngày 16/6/2020 cũng có ghi nhận nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại của phía bị đơn. Như vậy có đủ căn cứ để xác định bị đơn bà Đ đã đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vào ngày 23/6/2020, bị đơn nộp đơn phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Gốm C cũng có đơn yêu cầu độc lập. Việc nộp đơn của đương sự là đúng hạn do Thẩm phán ấn định.

Bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại gồm 01 tỉ đồng (tương đương số tiền đặt cọc) do vi phạm thỏa thuận + 200.777.296đ tiền nợ đã thanh toán cho công ty TNHH Gas P thay cho nguyên đơn + giá trị chuyển đi châu Âu vào tháng 5/2019 là 140.000.000đ do bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Gốm C cũng có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu phía nguyên đơn bồi thường các thiệt hại trong trường hợp hủy hợp đồng mua bán doanh nghiệp ngày 24/9/2016, gồm: Chi phí thuê dịch vụ bảo vệ + Số tiền thuê đất hàng năm, thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế đất + Giá trị 02 lò nung và hệ thống chân đế, máng trượt đã đầu tư trên đất + chi phí san lấp mặt bằng + tiền dịch vụ công ích thanh toán hàng năm cho Ban quản lý Cụm gốm sứ H. Tổng giá trị 2.841.743.704đ.

Lẽ ra trong trường hợp này, cấp sơ thẩm cần hoãn phiên họp ngày 16/6/2020 tạo điều kiện để đương sự thực hiện thủ tục nộp đơn phản tố, đơn yêu cầu độc lập trong thời hạn đã ấn định trước khi tiến hành lại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong vụ án, đương sự đã nộp đơn đúng thời hạn được ấn định, Thẩm phán sơ thẩm cần xem xét, xác định nội dung yêu cầu tại Đơn phản tố và Đơn yêu cầu độc lập trên có thuộc trường hợp phản tố, yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 200, 201 của Bộ luật tố tụng dân sự hay không để xử lý theo đúng quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Bên cạnh đó, mặc dù Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng lại bác phần yêu cầu về bồi thường tiền đặt cọc có giá trị 02 tỷ đồng (là 1 phần của yêu cầu phản tố) và buộc đương sự này đóng án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận trên là mâu thuẫn trong việc giải quyết vụ án.

[2.2] Về thu thập chứng cứ:

[2.2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Quang T yêu cầu hủy hợp đồng mua bán doanh nghiệp giữa DNTN gốm C ngày 24/9/2016 với bị đơn bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ với giá trị chuyển nhượng là 10 tỉ đồng. Tuy nhiên, các bên đương sự đều thừa nhận ngoài biên bản trên thì tồn tại Hợp đồng mua bán doanh nghiệp ngày 27/9/2016 nộp tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai có giá trị mua bán doanh nghiệp là 6.447.574.383 đồng. Tại phiên tòa, các bên đương sự không thể giải thích hợp lý việc tồn tại Hợp đồng mua bán doanh nghiệp với giá trị thấp hơn giá trị giao dịch thực tế. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ mục đích của các bên tham gia giao dịch khi lập 01 hợp đồng và 01 Biên bản thỏa thuận ghi nhận giá trị chuyển nhượng khác nhau cho cùng một đối tượng chuyển nhượng, có nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài chính với Nhà nước hay không là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Từ đó dẫn đến việc chưa đủ cơ sở để đánh giá về tính hợp pháp đối với giao dịch mua bán doanh nghiệp nêu trên.

[2.2.2] Ngày 16/6/2020 TAND TP. Biên Hòa đã tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ tại công ty TNHH gồm C. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy kể từ thời điểm bàn giao năm 2016 đã có thêm hệ thống đã lắp đặt gồm 02 lò ga, 01 máy nén, 04 bàn đẩy đi kèm lò ga, khuôn, phần mặt bằng san lấp.

Tuy nhiên, từ lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều xác định thì Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2020 (BL 172) chưa ghi nhận đầy đủ các tài sản hiện có trên nhà xưởng tại công ty TNHH gồm C, cụ thể là hệ thống chân đế không được ghi nhận.

Biên bản trên chưa xác định được chủ sở hữu của các tài sản trên (bà Đ hay công ty TNHH gồm C), tài sản nào có thể di dời, tài sản nào không thể di dời nhưng lại tuyên buộc bà Đ tháo dỡ khi hủy hợp đồng mua bán doanh nghiệp là chưa thuyết phục.

Phía nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng với lý do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện việc định giá tài sản tranh chấp làm cơ sở giải quyết hậu quả, xác định thiệt hại trong trường hợp phải hủy hợp đồng mua bán doanh nghiệp theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật dân sự là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[2.2.3] Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Đình L, thành viên góp vốn trong công ty TNHH Gồm C nộp Giấy chứng nhận phần vốn góp số 02/GCN ngày 16/12/2016 (bút lục 366), thể hiện việc đã góp 03 tỷ/3,3 tỷ đồng vốn Điều lệ công ty. Đây là chứng cứ mới, cần được làm rõ nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ các phân tích trên, do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ không thể khắc phục Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan hủy bản án sơ thẩm để Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát về việc đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Nguyễn Mộng Đ, ông Nguyễn Đình L, công ty TNHH gồm C, hủy Bản án sơ thẩm số 51/2020/DS-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả bà Đ, ông L, công ty TNHH gồm C mỗi đương sự 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lai thu số 6549, 6550, 6551 cùng ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai;
- Chi cục THADSTP. Biên Hòa;
- TAND TP Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

(Đã ký)

Nguyễn Công Sự